

Số: 25/2022/QĐST-HNGĐ

B T, ngày 01 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 12/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm: 1997

Trú tại: Thôn C K, xã T K, huyện B T, tỉnh T H

Nơi sinh: Xã T L, huyện T X, tỉnh T H

- Bị đơn: Anh Lê Văn D1, sinh năm: 1995

Trú tại: Thôn C K, xã T K, huyện B T, tỉnh T H

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 02 năm 2022.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 02 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị D và anh Lê Văn D1.**

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- **Về hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị D và anh Lê Văn D1 thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Nguyễn Duy A, sinh ngày 12/09/2017. Nay ly hôn giao cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên, anh D1 có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng) bắt đầu từ tháng 03/2022 cho đến khi cháu Lê Nguyễn Duy A thành niên.

Anh Lê Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu

đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- **Về tài sản và công nợ:** Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Áp dụng khoản 4 điều 147-BLTTDS năm 2015; điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị D và anh D1 mỗi bên phải chịu 75.000đ án phí DSST, anh D1 còn phải chịu 150.000đ án phí về cấp dưỡng nuôi con chung, chị D nhận nộp cả phần án phí cho anh D1, chị được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B T theo biên lai thu số: AA/2021/0008525 ngày 07/02/2022.

**3.** Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**4.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện B T;
- UBND xã T L, huyện T X, T H;
- Chi cục THADS huyện Bá Thước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Vũ Văn Nga**